

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2985/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA

ĐẾN

Số: 124
Giờ: Phút:
Ngày: 05/01

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình Liên Sở số 3944 /TTr-LS, ngày 19 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cụ thể như sau:

1. Bổ sung Bảng giá cây hàng năm; giá cây cao su vào Bảng giá cây ăn quả, cây công nghiệp; cây keo lá tràm, bạch đàn từ năm thứ 8 trở đi; cây keo lai giâm hom từ năm thứ 7 trở đi, cây đước, cây hương vào Bảng giá cây lấy gỗ phân tán; sửa đổi đơn vị tính cây cỏ cảnh, bổ sung cây trồng thành hàng rào tạo cảnh quan ở Bảng giá cây cảnh tại Điều 1.

2. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 3 như sau:

“c) Đối với cây hàng năm: mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.



Đối với mỗi loại cây hàng năm, giá trị của vụ thu hoạch trên 01 ha được xác định bằng cách lấy năng suất toàn tỉnh vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề (từ nguồn số liệu của Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa) nhân với giá bán trung bình tại thời điểm thu hồi đất; sau đó quy đổi về m² để xác định giá bồi thường đối với cây hàng năm. Việc xác định “cây trồng chính” tại địa phương do địa phương thực hiện, theo quy định của pháp luật về trồng trọt.”

3. Khoản 2, Điều 3 được sửa đổi như sau:

“2. Đối với các loại cây trồng không có trong bảng giá kèm theo Quyết định này, tùy theo từng loại cây, giá trị của loại cây đó, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng áp dụng giá của cây cùng loại và có giá trị tương đương có trong bảng giá”.

4. Bỏ khoản 3, Điều 3.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, CN, KN, HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hữu Hoàng

Sửa đổi, bổ sung bảng giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Bảng giá cây hàng năm

Đơn vị tính: đồng/m²

TT	Cây trồng	Đơn giá
1	Lúa	5.000
2	Ngô	2.000
3	Khoai lang	6.000
4	Sắn	4.000
5	Mía đường	5.000
6	Mía ăn	14.000
7	Rau các loại (rau muống, rau ngót, rau cải các loại, rau dền...)	22.000
8	Đậu các loại (đậu côve, đậu đũa...)	19.000
9	Khoai các loại (khoai sấp, khoai môn, khoai mỡ...trừ khoai lang)	13.000
10	Dưa các loại (dưa gang, dưa lê...trừ dưa hấu, dưa lưới)	14.000
11	Dưa hấu	23.000
12	Dưa lưới	71.000
13	Lạc	6.000
14	Cà chua	29.000
15	Bí xanh, bí đỏ, khổ qua, bầu	21.000
16	Sen	6.000
17	Sả, Gừng	14.000
18	Ớt	30.000
19	Đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen...	4.000
20	Tỏi	26.000



Minh

21	Hành	21.000
22	Muróp	14.000
23	Vùng	4.000
24	Thuốc lá	10.000
25	Kiệu	47.000

2. Bổ sung giá cây cao su vào bảng giá cây ăn quả, cây công nghiệp

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Cây trồng	ĐVT	Cây ở thời kỳ xây dựng cơ bản						Cây đến thời kỳ thu hoạch		
			1 năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	Loại C	Loại B	Loại A
1	Cao su	Cây	63	107	146	187	224	255	263	328	394

Mật độ cây cao su trồng tập trung là 555 cây/ ha.

3. Điều chỉnh đơn vị tính cỏ cảnh tại thứ tự 41 Mục 3- Bảng giá cây cảnh

TT	Loại cây	Đơn vị tính	Giá hỗ trợ		
			Loại A	Loại B	Loại C
1	Cỏ cảnh	đồng/m ²	60.000	40.000	20.000

4. Bổ sung giá hỗ trợ cây trồng thành hàng rào tạo cảnh quan: 40.000 đồng/mét dài.

2016

4. Bổ sung vào bảng giá cây lấy gỗ phân tán

Đơn vị tính: đồng/cây

TT	Loại cây	ĐVT	Cây ở thời kỳ xây dựng cơ bản					Cây đến thời kỳ thu hoạch							
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11 trở đi
1	Keo lá tràm	Cây				-	-					99.929	106.640	113.787	138.688
2	Bạch đàn	Cây				-	-					90.238	96.299	102.753	125.243
3	Keo lai giâm hom	Cây				-	-				80.617	86.052	91.839	98.004	119.484
4	Đước	Cây	33.341	45.659	55.194	61.666	68.559	-	-	103.287	110.363	117.900	125.926	134.473	164.267
5	Hương	Cây	36.415	49.393	62.923	72.136	81.948	-	-	254.977	271.897	298.917	309.110	329.548	400.795

* Ghi chú: Áp dụng giá của cây cùng loại và có giá trị tương đương có trong bảng giá đối với cây lấy gỗ theo các nhóm sau:

- Cây lấy gỗ thuộc nhóm 6, 7, 8: Cây so đũa, sấu đầu, trôm lấy mù, bạch đàn, chiêu liêu, chò nâu, chò nhai, xoan, neem, dó bầu,...
- Cây lấy gỗ thuộc nhóm 4, 5: Dầu mít, dầu lông, dầu song nạng, dầu rái, vên vên, thông, viết, phi lao, xà cừ, lim xẹt...
- Cây lấy gỗ thuộc nhóm 2, 3: Bằng lăng nước, Bằng lăng tím, Bình linh, Sao đen, Cẩm xe, săng đào, lim xanh, sến cát, sến mật, tấu, xoay,...
- Cây lấy gỗ thuộc nhóm 1: Gỗ đỏ, giáng hương, cẩm lai, cẩm tiên, muồng đen, huỳnh đàn,....
- Cây ngập mặn: Mắm trắng, mắm biển, bần trắng, đước, cóc trắng,....



Đạt

